|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH**  **VÀ XÃ HỘI**  Số: /2018/TT-BLĐTBXH  **DỰ THẢO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 110/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về tổ chức hoạt động của Thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội về tự kiểm tra của doanh nghiệp**

*Căn cứ Nghị định số* [*14/2012/NĐ-CP*](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=106/2012/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) *ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 110/2017/NĐ-CP ngày 04/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Theo đề nghị của Chánh thanh tra Bộ;*

*Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 110/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về tổ chức hoạt động của Thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội về tự kiểm tra của doanh nghiệp.*

**CHƯƠNG I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn việc tự kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động, báo cáo kết quả tự kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động trực tuyến; trách nhiệm của người sử dụng lao động, tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở và cơ quan Thanh tra nhà nước về lao động.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với người sử dụng lao động theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Bộ luật Lao động, tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở, cơ quan Thanh tra nhà nước về lao động.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Tự kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động (sau đây gọi là tự kiểm tra) là hoạt động tự thu thập, phân tích, đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động của người sử dụng lao động tại nơi sản xuất, kinh doanh.

2. Trang thông tin điện tử http://tukiemtraphapluatlaodong.gov.vn (sau đây gọi là trang thông tin điện tử) là địa chỉ truy cập trên môi trường mạng để liên kết, tích hợp, đăng tải các kênh thông tin, tài liệu, các ứng dụng và dịch vụ trong lĩnh vực lao động để người lao động, người sử dụng lao động khai thác, sử dụng.

3. Báo cáo kết quả tự kiểm tra trực tuyến là việc người sử dụng lao động báo cáo kết quả tự kiểm tra pháp luật lao động trên trang thông tin điện tử.

4. Tài khoản báo cáo kết quả tự kiểm tra trực tuyến là tài khoản do người sử dụng lao động đăng ký để đăng nhập vào trang thông tin điện tử nhằm thực hiện báo cáo kết quả tự kiểm tra, khai thác và sử dụng các thông tin, tài liệu, ứng dụng trong lĩnh vực lao động.

5. Phiếu tự kiểm tra là phiếu ghi nội dung kết quả tự kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật lao động tại doanh nghiệp.

**CHƯƠNG II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

***Mục 1***

***Tự kiểm tra và báo cáo kết quả tự kiểm tra pháp luật lao động trực tuyến***

**Điều 4. Hoạt động tự kiểm tra**

1. Người sử dụng lao động phải tổ chức tự kiểm tra việc chấp hành pháp luật lao động tại cơ sở của mình ít nhất 01 lần trong năm nhằm đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật lao động và có giải pháp cải tiến việc tuân thủ.

2. Thời gian tự kiểm tra cụ thể do người sử dụng lao động quyết định.

3. Thời kỳ tự kiểm tra: từ ngày đầu tiên tháng một dương lịch của năm trước đến thời điểm kiểm tra.

**Điều 5. Nội dung tự kiểm tra**

1. Nội dung tự kiểm tra pháp luật lao động bao gồm:

a) Việc thực hiện báo cáo định kỳ;

b) Việc tuyển dụng và đào tạo lao động;

c) Việc giao kết và thực hiện hợp đồng lao động;

d). Việc đối thoại, thương lượng và ký kết thỏa ước lao động tập thể;

e). Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi;

g). Việc trả lương cho người lao động ;

h). Việc tổ chức, thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động;

i). Việc thực hiện các quy định đối với lao động nữ, lao động là người cao tuổi, lao động chưa thành niên, lao động là người khuyết tật, lao động là người nước ngoài.

k). Việc xây dựng và đăng ký nội quy lao động; xử lý kỷ luật lao động, bồi thường trách nhiệm vật chất.

l). Việc tham gia và trích đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế hàng tháng cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

m). Việc giải quyết tranh chấp và khiếu nại về lao động

n). Nội dung khác mà người sử dụng lao động thấy cần thiết.

2. Nội dung tự kiểm tra cụ thể được thiết kế thành phiếu tự kiểm tra theo từng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đăng trên trang thông tin điện tử. Căn cứ vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính, người sử dụng lao động lựa chọn 01 hoặc nhiều phiếu phiếu tự kiểm tra làm nội dung tự kiểm tra.

**Điều 6. Trình tự tiến hành tự kiểm tra**

Căn cứ thời gian và kế hoạch tự kiểm tra đã xác định, người sử sụng lao động thành lập đoàn tự kiểm tra, đồng thời đăng ký tài khoản trên trang thông tin điện tử để lấy phiếu tự kiểm tra làm nội dung tự kiểm tra.

Thành phần đoàn tự kiểm tra gồm: đại diện người sử dụng lao động làm trưởng đoàn; thành viên đoàn là cán bộ lao động, tiền lương, cán bộ an toàn, vệ sinh lao động; đại diện tập thể người lao động và thành phần khác có liên quan do người sử dụng lao động tự quyết định.

Đoàn tự kiểm tra tiến hành đối chiếu với các quy định pháp luật lao động hiện hành tương ứng theo từng nội dung tự kiểm tra để phân tích, so sánh và kết luận doanh nghiệp có tuân thủ pháp luật lao động hay không và đưa ra biện pháp khắc phục nội dung không tuân thủ (nếu có). Kết luận tự kiểm tra theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư này và có bản điện tử đăng trên trang thông tin điện tử, được cập nhật thường xuyên khi có sự thay đổi của pháp luật lao động.

Đối với những nội dung cần phải đến hiện trường sản xuất, kinh doanh, nơi làm việc của người lao động thì đoàn đến để xem xét, kiểm tra, cần thiết có giải pháp khắc phục ngay những vi phạm (nếu có).

**Điều 7. Báo cáo kết quả tự kiểm tra**

1. Người sử dụng lao động phối hợp với đại điện người lao động tại cơ sở thực hiện báo cáo tự kiểm tra pháp luật lao động trực tuyến khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan Thanh tra nhà nước về lao động. Niên độ báo cáo theo yêu cầu của cơ quan thanh tra nhà nước về lao động. Nếu trong thời gian báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về lao động mà người sử dụng lao động chưa tổ chức tự kiểm tra thì tiến hành tự kiểm tra ngay và báo cáo kết quả tự kiểm tra trực tuyến theo quy định tại Thông tư này.

2. Cơ sở sử dụng lao động, bao gồm cả chi nhánh, văn phòng đại diện có trụ sở tại địa phương, đơn vị đến thi công tại địa phương phải báo cáo tự kiểm tra pháp luật lao động trực tuyến với cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp và với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi chi nhánh văn phòng đại diện, đơn vị thi công đang hoạt động.

3. Báo cáo phải được lưu giữ trong hồ sơ quản lý doanh nghiệp để làm căn cứ theo dõi, phân tích, đưa ra các chính sách, giải pháp nhằm nâng cao tuân thủ pháp luật lao động tại doanh nghiệp.

***Mục 2***

***Trách nhiệm của người sử dụng lao động, đại diện người lao động và cơ quan Thanh tra nhà nước về lao động***

**Điều 8. Trách nhiệm của người sử dụng lao động**

1. Người sử dụng lao động phải tự kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động quy định tại Thông tư này. Khi có yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan thanh tra nhà nước về lao động, người sử dụng lao động đăng ký tài khoản và báo cáo kết quả tự kiểm tra pháp luật lao động trực tuyến trên trang thông tin điện tử.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác trong báo cáo kết quả tự kiểm tra pháp luật lao động trực tuyến; đảm bảo đúng thời hạn báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

3. Phối hợp với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở để thực hiện các khuyến nghị, phản hồi của cơ quan Thanh tra nhà nước về lao động theo nội dung báo cáo kết quả tự kiểm tra pháp luật lao động trực tuyến; giải trình khi có yêu cầu của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền.

**Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức đại diện tập thể lao động**

Phối hợp với người sử dụng lao động tham gia đoàn tự kiểm tra thực hiện pháp luật tại doanh nghiệp, báo cáo kết quả tự kiểm tra pháp luật lao động trực tuyến, thực hiện các kiến nghị và giám sát thực hiện các kiến nghị của cơ quan Thanh tra nhà nước về lao động theo nội dung báo cáo kết quả tự kiểm tra pháp luật lao động trực tuyến.

**Điều 10. Trách nhiệm của Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Quản lý trang thông tin điện tử; hàng năm nghiên cứu, hoàn thiện, nâng cấp trang thông tin điện tử và cập nhật những thay đổi của pháp luật lao động nhằm đáp ứng yêu cầu sử dụng.

2. Phân cấp quản lý và hướng dẫn sử dụng trang thông tin điện tử cho Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Định hướng đối tượng báo cáo tự kiểm tra hàng năm phù hợp với định hướng công tác của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

4. Tổng hợp, báo cáo kết quả tự kiểm tra pháp luật lao động trực tuyến trong toàn quốc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5. Căn cứ kết quả tự kiểm tra kịp thời tham mưu cho Bộ trưởng thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lao động; đề xuất kế hoạch thanh tra việc chấp hành pháp luật và kế hoạch tăng cường tuân thủ pháp luật lao động của Bộ và định hướng cho các địa phương về công tác thanh tra lao động hàng năm.

**Điều 11. Trách nhiệm của Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Hướng dẫn doanh nghiệp đăng ký tài khoản báo cáo kết quả tự kiểm tra trực tuyến và báo cáo kết quả tự kiểm tra trực tuyến.

2. Phân tích, đánh giá kết quả tự kiểm tra trực tuyến và gửi kiến nghị đến doanh nghiệp đồng thời đề xuất kế hoạch thanh tra, kiểm tra trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật lao động qua báo cáo kết quả tự kiểm tra trực tuyến hoặc không chấp hành việc báo cáo kết tự kiểm tra trực tuyến.

4. Tổng hợp tình hình tự kiểm tra tại các cơ sở lao động đóng trên địa bàn gửi Thanh tra Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này trước ngày 15 tháng 10 hằng năm.

5. Căn cứ kết quả tự kiểm tra kịp thời tham mưu cho Giám đốc sở thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lao động tại địa phương; đề xuất kế hoạch thanh tra việc chấp hành pháp luật và kế hoạch tăng cường tuân thủ pháp luật lao động tại địa phương hàng năm.

**CHƯƠNG III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 12. Nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho công tác tự kiểm tra**

1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện về nguồn lực và kinh phí cho Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện về nguồn lực và kinh phí cho Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

3. Người sử dụng lao động có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện về nguồn lực và kinh phí để tổ chức, thực hiện công tác tự kiểm tra và báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 13. Biện pháp xử lý đối với tổ chức, cá nhân không chấp hành các quy định tại Thông tư này**

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân không chấp hành công tác tự kiểm tra và báo cáo theo quy định tại Thông tư này là cơ sở để cơ quan thanh tra nhà nước về lao động tiến hành thanh tra đột xuất hoặc đưa vào kế hoạch thanh tra năm sau, đồng thời là tình tiết tăng nặng để quyết định mức xử phạt vi phạm hành chính, nếu gây hậu quả nghiêm trọng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự và bị xử lý bằng các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 14. Khen thưởng**

1. Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét tặng Giấy khen cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân chấp hành tốt công tác tự kiểm tra và báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

2. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét tặng Bằng khen cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân chấp hành tốt quy định của pháp luật lao động theo đề nghị của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 15. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm 2018.

2. Quyết định số 02/2006/QĐ-BLĐTBXH ngày 16 tháng 02 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy chế sử dụng phiếu tự kiểm tra thực hiện pháp luật lao động hết hiệu lực khi Thông tư này có hiệu lực.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội để tổng hợp và xử lý./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nới nhận:***  - Ban Bí Thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Chính phủ;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Toà án nhân dân tối cao;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;  - HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Cơ quan TW của các Hội, đoàn thể;  - Sở LĐTBXH tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty hạng đặc biệt;  - Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam;  - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);  - Các đơn vị thuộc Bộ LĐTBXH;  - Công báo;  - Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;  - Cổng Thông tin điện tử Bộ LĐTBXH;  - Lưu: VT, TTr (20). | **BỘ TRƯỞNG**  **Đào Ngọc Dung** |

**PHỤ LỤC I**

**KẾT LUẬN TỰ KIỂM TRA THỰC HIỆN PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG**

*(Kèm theo Thông tư số …../2018/TT-BLĐTBXH ngày …. tháng …. năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*

***Những nội dung không phát sinh hoặc không có tại doanh nghiệp thì điền vào cột “không phát sinh”.***

***Kỳ tự chấm điểm do người sử dụng lao động quy định, ít nhất một năm một lần. Ngoài kỳ này, nếu không có phát sinh các nội dung tiêu chí thì ghi “không phát sinh”.***

1. **CÁC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | ***Có/Thực hiện*** | ***Không/***  ***Không thực hiện*** | ***Không phát sinh*** | **Ghi chú** |
|  | **Tuân thủ quy định về chế độ báo cáo** |  |  |  |  |

1. **HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | ***Có/Thực hiện*** | ***Không/***  ***Không thực hiện*** | ***Không phát sinh*** | **Ghi chú** |
| **1** | **Tuân thủ quy định về giao kết hợp đồng lao động (**thực hiện nghĩa vụ khi giao kết, ký đúng loại, đúng hình thức, đủ và cụ thể về nội dung) |  |  |  |  |
| **2** | **Tuân thủ quy định về thử việc** (Thời gian thử việc, tiền lương thử việc) |  |  |  |  |
| **3** | **Chấm dứt hợp đồng lao động theo đúng quy định pháp luật** (đảm bảo thời gian báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định) |  |  |  |  |
| **4** | **Giữ bản chính giấy tờ tuỳ thân, văn bằng, chứng chỉ của người lao động hoặc yêu cầu người lao động phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tiền hoặc tài sản khác cho việc thực hiện hợp đồng lao động** |  |  |  |  |
| **5** | **Thực hiện trách nhiệm của người sử dụng lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động** (trả sổ bảo hiểm cho người lao động, thanh toán các khoản có liên quan) |  |  |  |  |
| **6** | **Thực hiện các quy định về trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm cho người lao động** |  |  |  |  |

1. **HỌC NGHỀ, TẬP NGHỀ, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NÂNG CAO TAY NGHỀ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG, NHÀ CUNG ỨNG/ ĐỐI TÁC VÀ CỘNG ĐỒNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | ***Có/Thực hiện*** | ***Không/***  ***Không thực hiện*** | ***Không phát sinh*** | **Ghi chú** |
| 7 | **Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động hàng năm** |  |  |  |  |
| 8 | **Tuân thủ các quy định về học nghề và tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động** |  |  |  |  |

1. **NỘI QUY LAO ĐỘNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung tiêu chí** | ***Có/Thực hiện*** | ***Không/***  ***Không thực hiện*** | ***Không phát sinh*** | **Ghi chú** |
| **9** | **Xây dựng và đăng ký nội quy lao đông với cơ quan quản lý lao đông tại địa phương** |  |  |  |  |
| **10** | **Tuân thủ các quy định về xử lý kỷ luật lao động** (nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thời hiệu, hình thức, những quy định cấm khi xử lý kỷ luật ) |  |  |  |  |
| 11 | **Tuân thủ nguyên tắc và trình tự, thủ tục xử lý bồi thường thiệt hại** |  |  |  |  |

1. **THỜI GIỜ LÀM VIỆC VÀ NGHỈ NGƠI**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung tiêu chí** | ***Có/Thực hiện*** | ***Không/***  ***Không thực hiện*** | ***Không phát sinh*** | **Ghi chú** |
| **12** | **Tuân thủ quy định về thời giờ làm việc** (làm ngày thường, làm ban đêm, làm thêm giờ) |  |  |  |  |
| **13** | **Tuân thủ quy định về thời giờ nghỉ ngơi** (nghỉ lễ, nghỉ Tết, nghỉ hàng năm, nghỉ việc riêng, nghỉ trong giờ làm việc, nghỉ chuyển ca, nghỉ hàng tuần) |  |  |  |  |
| **14** | **Thỏa thuận khi huy động người lao động làm việc thêm giờ vào các ngày Tết, ngày lễ** |  |  |  |  |

1. **TIỀN LƯƠNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung tiêu chí** | ***Có/Thực hiện*** | ***Không/***  ***Không thực hiện*** | ***Không phát sinh*** | **Ghi chú** |
| **15** | **Xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương tại doanh nghiệp** |  |  |  |  |
| **16** | **Xây dựng định mức lao động tại doanh nghiệp** |  |  |  |  |
| **17** | **Tuân thủ quy định về trả lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm** |  |  |  |  |
| **18** | **Tuân thủ về trả lương đầy đủ và đúng hạn** |  |  |  |  |
| 19 | **Tuân thủ trả lương ngừng việc, khấu trừ tiền lương** |  |  |  |  |

1. **CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung tiêu chí** | ***Có/Thực hiện*** | ***Không/***  ***Không thực hiện*** | ***Thực hiện một phần*** | **Ghi chú** |
| **20** | **Tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho 100% số người thuộc diện phải tham gia** |  |  |  |  |
| **21** | **Tuân thủ mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội** |  |  |  |  |
| **22** | **Tuân thủ quy định về thời gian đóng bảo hiểm xã hội** |  |  |  |  |

1. **AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung tiêu chí** | ***Có/Thực hiện*** | ***Không/ Không thực hiện*** | ***Thực hiện một phần/Không phát sinh*** | **Ghi chú** |
| **23** | **Bố trí cán bộ làm công tác an toàn vệ sinh lao động theo quy định** |  |  |  |  |
| **24** | **Thống kê, phân loại lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động** |  |  |  |  |
| **25** | **Xây dựng kế hoạch, biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện môi trường lao động hàng năm** |  |  |  |  |
| **26** | **Thực hiện bảo hộ lao động đầy đủ nội dung theo quy định** |  |  |  |  |
| **27** | **Thực hiện kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc** |  |  |  |  |
| **28** | **Toàn bộ người sử dụng lao động và người lao động được huấn luyện định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động** |  |  |  |  |
| **29** | **Ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động** |  |  |  |  |
| **30** | **Thực hiện điều tra tai nạn đối với những vụ tai nạn lao động thuộc thẩm quyền** |  |  |  |  |
| **31** | **Xây dựng phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp và tổ chức luyện tập định kỳ** |  |  |  |  |
| **32** | **Báo cáo định kỳ về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý Nhà nước về lao động tại địa phương** |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **33** | **Tuân thủ các quy định về khám tuyển, khám sức khỏe định kỳ theo quy định của pháp luật** |  |  |  |  |
| **34** | **Thực hiện khám phát hiện bệnh nghề nghiệp** |  |  |  |  |
| **35** | **Thực hiện khám sức khỏe chuyên khoa cho lao động nữ** |  |  |  |  |
| **36** | **Thực hiện khám sức khỏe ít nhất 6 tháng/lần đối với lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại** |  |  |  |  |
| **37** | **Bố trí người làm công tác y tế hoặc thành lập bộ phận tế chịu trách nhiệm chăm sóc và quản lý sức khỏe của người lao động** |  |  |  |  |

1. **THOẢ ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ và CÔNG ĐOÀN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung tiêu chí** | ***Có/Thực hiện*** | ***Có***  ***kế hoạch*** | ***Không/Không thực hiện*** | ***Không phát sinh*** |  |
| **38** | **Có tổ chức công đoàn được thành lập theo đúng quy định** |  |  |  |  |  |
| **39** | **Tỷ lệ (%) người lao động tham gia công đoàn tại doanh nghiệp** |  | | | |  |
| **40** | **Các hoạt động của công đoàn tại doanh nghiệp** |  | | | |  |
| **41** | **Doanh nghiệp tổ chức thương lượng tập thể** |  |  |  |  |  |
| **42** | **Nội dung của thỏa ước lao động không trái quy định của pháp luật và có lợi hơn cho người lao động** |  |  |  |  |  |
| **43** | **Ký kết và gửi thỏa ước lao động tập thể tới cơ quan quản lý Nhà nước về lao động tại địa phương** |  |  |  |  |  |
| **44** | **Quy chế dân chủ cơ sở được xây dựng và thực hiện tại doanh nghiệp** |  |  |  |  |  |
| **45** | **Doanh nghiệp thực hiện đối thoại định kỳ 3 tháng/lần** |  |  |  |  |  |

1. **LAO ĐỘNG NỮ VÀ LAO ĐỘNG ĐẶC THÙ KHÁC**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung tiêu chí** | ***Có/Thực hiện*** | ***Có***  ***kế hoạch*** | ***Không/Không thực hiện*** | ***Không có lao động đặc thù/ không phát sinh*** | **Ghi chú** |
| **46** | **Đối với lao động nữ: bình đẳng trong tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, trả lương** |  |  |  |  |  |
| **47** | **Thực hiện các chế độ thai sản đối với lao động nữ, chế độ đối với phụ nữ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi** |  |  |  |  |  |
| **48** | **Bố trí buồng tắm, buồng vệ sinh riêng cho lao động nữ** |  |  |  |  |  |
| **49** | **Tuân thủ các quy định của pháp luật đối với lao động chưa thành niên** |  |  |  |  |  |
| **50** | **Tuân thủ các quy định của pháp luật đối với người cao tuổi** |  |  |  |  |  |

1. **TRANH CHẤP VÀ KHIẾU NẠI**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | ***Có/Thực hiện*** | ***Không/***  ***Không thực hiện*** | ***Không phát sinh*** | **Ghi chú** |
| **51** | **Tuân thủ quy định về giải quyết tranh chấp lao động** |  |  |  |  |
| **52** | **Tuân thủ quy định về giải quyết khiếu nại về lao động** |  |  |  |  |

1. **NỘI DUNG KHÁC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | ***Có/Thực hiện*** | ***Không/***  ***Không thực hiện*** | ***Không phát sinh*** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |

**PHỤ LỤC II**

MẪU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TỰ KIỂM TRA PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG TẠI DOANH NGHIỆP

*(Kèm theo Thông tư số …../2018/TT-BLĐTBXH ngày …. tháng …. năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

**SỞ LĐTBXH TỈNH, THÀNH PHỐ: …………….**

**THANH TRA SỞ**

**Kính gửi:** Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN**

**Năm …………………**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chỉ tiêu (trong kỳ báo cáo) | ĐVT | Loại hình | | | | | | | | | |
| DN Nhà nước | C.ty trách nhiệm hữu hạn | C.ty cổ phần | DN tư nhân | | | Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) | Hợp tác xã (HTX) | Công ty hợp danh | khác |
| 1 | Số tài khoản đăng ký báo cáo | Tài khoản |  |  |  |  | | |  |  |  |  |
| 2 | Số đơn vị báo cáo | Đơn vị |  |  |  |  | | |  |  |  |  |
| 3 | Số lao động | Người |  |  |  |  | | |  |  |  |  |
| 5 | Số sai phạm, thiếu sót phát hiện được | Sai phạm |  |  |  |  | | |  |  |  |  |
| 6 | Số kiến nghị đã ban hành | Kiến nghị |  |  |  |  | | |  |  |  |  |
| 7 | Số đơn vị có phản hồi sau kiến nghị | Đơn vị |  |  |  |  | | |  |  |  |  |
| ………….ngày ... tháng ... năm ....  Chánh thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội  (Ký tên, đóng dấu) | | | | | | |  |